

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh tiền sử dụng đất tái định cư và bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân bị ảnh hưởng GPMB xây dựng Khu dân cư HH1 và HH2 tại phường Trần Quang Diệu, TP Quy Nhơn (giai đoạn 2)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 4954/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do GPMB để đầu tư xây dựng hạ tầng khu HH1 & HH2 thuộc Khu quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 tại KV1 và KV9, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn (giai đoạn II – đợt 2);

Căn cứ Quyết định số 1582/QĐ-UBND ngày 08/05/2017 về việc phê duyệt điều chỉnh giá đất ở tái định cư và giá đất ở theo giá thị trường cụ thể để tính thu tiền sử dụng đất ở đối với các hộ dân bị ảnh hưởng do GPMB xây dựng Khu tái định cư HH1 và HH2, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn;

Theo Thông báo số 44/TB-UBND ngày 24/3/2017 của UBND tỉnh;

Xét đề nghị của Trung tâm Phát triển quỹ đất tại Tờ trình số 17/TTr-TTPTQĐ ngày 14/4/2017, ý kiến thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 320/TTr-STNMT ngày 27/4/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh tiền sử dụng đất tái định cư và bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân bị ảnh hưởng GPMB xây dựng Khu dân cư HH1 và HH2 tại phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn (giai đoạn 2) với các nội dung chính cụ thể như sau:

1. Về tái định cư

Phê duyệt tổng số tiền sử dụng đất tái định cư của 09 hộ gia đình, cá nhân phải nộp sau khi điều chỉnh giảm theo đơn giá đất ở tại Thông báo số 44/TB-UBND của UBND tỉnh và giảm trừ khoản chênh lệch giữa giá trị suất tái định cư tối thiểu với số tiền bồi thường đất ở của 02 hộ dân là **3.301.309.600 đồng**. (Chi tiết tại phụ lục số I kèm theo Quyết định này)

* Tiền sử dụng đất phải nộp của 09 hộ gia đình, cá nhân được phê duyệt trong phương án đợt này sẽ thay thế số tiền sử dụng đất đã được phê duyệt tại mục 2.2 Điều 1 và phụ lục III của Quyết định số 4954/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh.

2. Về bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ

Phê duyệt bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ và chi phí GPMB là 54.194.055 đồng (quy tròn: **54.194.000 đồng**), trong đó:

- Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ bổ sung: 53.131.427 đồng
- Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) : 1.062.628 đồng.

Nguồn vốn chi trả: Vốn ngân sách Nhà nước.

(Chi tiết tại phụ lục số II kèm theo Quyết định này)

3. Phê duyệt **điều chỉnh** tên họ ông Nguyễn Văn Ý (chết) con Nguyễn Phước Hiệp đại diện đã được phê duyệt tại Quyết định số 4954/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh **thành** tên họ ông Nguyễn Phước Hiệp (chết) con Nguyễn Văn Ý đại diện.

Điều 2. Giao Trung tâm Phát triển quỹ đất chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 3. Quyết định này điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 4954/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và hộ gia đình có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, các PCTUBND tỉnh;
- PVPNN;
- Lưu: VT, K7, K14 (V.21b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

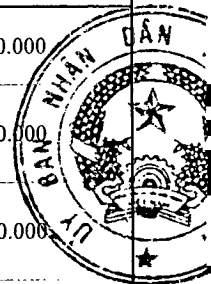


Trần Châu

Phụ lục I
BẢNG TỔNG HỢP CÁC HỘ BỊ ẢNH HƯỞNG DO GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG ĐỂ XÂY DỰNG KHU DÂN CƯ HH1 VÀ HH2
TẠI PHƯỜNG TRẦN QUANG DIỆU, THÀNH PHỐ QUY NHƠN ĐƯỢC GIAO ĐẤT TÁI ĐỊNH CƯ VÀ TIỀN SỬ
DỤNG ĐẤT TÁI ĐỊNH CƯ PHẢI NỘP SAU KHI ĐƯỢC GIẢM ĐƠN GIÁ ĐẤT TÁI ĐỊNH CƯ
(Kèm theo Quyết định số 1634/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 của UBND tỉnh)

ĐVT: Đồng

TT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Tổng diện tích thu hồi	Diện tích bồi thường đất ở	Bồi thường, hỗ trợ		Lô đất tái định cư thuộc Khu tái định cư HH1 và HH2 P. Trần Quang Diệu								
							Tiền sử dụng đất phải nộp được UBND tỉnh phê duyệt tại QĐ số 4954/QĐ-UBND ngày 30/12/2016				Tiền SDD theo đơn giá tại TB số 44/TB-UBND		Giá trị suất TĐC tối thiểu (3.000.000đ/m ² x 70m ²)	Hỗ trợ chênh lệch giá trị suất TĐC tối thiểu so với tiền BT đất ở	Giá trị tiền sử dụng đất TĐC phải nộp sau khi đã được giảm đơn giá đất TĐC và trừ đi khoản hỗ trợ chênh lệch giữa giá trị suất TĐC tối thiểu so với tiền BT đất ở
					Tổng số tiền được bồi thường, hỗ trợ	Số tiền bồi thường đất ở	Ký hiệu lô đất	Diện tích (m2)	Đơn giá	Tiền sử dụng đất phải nộp	Đơn giá	Tiền SDD phải nộp			
A	B	C	D	E	F	G	H	I	K	L = I x K	M	N = I x M	O	P = N - O	Q = N - P
I	Các hộ được giao đất TĐC lô chính							763,0		4.043.900.000		2.289.000.000		186.690.400	2.102.309.600
1	Hộ bà Lê Thị Liên	Tổ 3, KV 1, P. Trần Quang Diệu	854,3	150,0	687.790.297	321.600.000	D18	109	5.300.000	577.700.000	3.000.000	327.000.000	210.000.000		327.000.000
2	Hộ ông Phạm Văn Thiệt, vợ Trần Thị Ngọc Minh	Tổ 2, KV 1, P. Trần Quang Diệu	267,1	140,0	428.067.924	206.360.000	D19	109	5.300.000	577.700.000	3.000.000	327.000.000	210.000.000		327.000.000
3	Hộ bà Nguyễn Thị Cúc, chồng Nguyễn Văn Anh	Tổ 2, KV1, P. Trần Quang Diệu	202,7	140,0	549.960.717	206.360.000	D20	109	5.300.000	577.700.000	3.000.000	327.000.000	210.000.000		327.000.000
4	Hộ ông Nguyễn Đức Tâm, vợ Đặng Thị Kim Liên	Tổ 2, KV 1, P. Trần Quang Diệu	212,6	140,0	551.250.850	206.360.000	D22	109	5.300.000	577.700.000	3.000.000	327.000.000	210.000.000		327.000.000
5	Hộ ông Phạm Văn Thân, vợ Trịnh Thị Hồng	Tổ 2, KV1, P. Trần Quang Diệu	86,4	86,4	379.324.613	143.675.200	D23	109	5.300.000	577.700.000	3.000.000	327.000.000	210.000.000	66.324.800	260.675.200
6	Phạm Văn Cường, vợ Võ Thị Xuân Thủy	Tổ 2, KV1, P. Trần Quang Diệu	50,8	50,8	177.793.002	89.634.400	D24	109	5.300.000	577.700.000	3.000.000	327.000.000	210.000.000	120.365.600	206.634.400
7	Hộ ông Phạm Văn Thiệt, vợ Lê Thị Nước	Tổ 2, KV1, P. Trần Quang Diệu	364,7	160,0	843.723.051	343.040.000	D25	109	5.300.000	577.700.000	3.000.000	327.000.000	210.000.000		327.000.000
II	Cặp vợ chồng được giao đất TĐC lô phụ							218,0		1.417.000.000		1.199.000.000		0	1.199.000.000



Handwritten signature

TT	Họ và tên	Địa chỉ thường trú	Tổng diện tích thu hồi	Diện tích bồi thường đất ở	Bồi thường, hỗ trợ		Tiền sử dụng đất phải nộp được UBND tỉnh phê duyệt tại QĐ số 4954/QĐ-UBND ngày 30/12/2016				Tiền SDD theo đơn giá tại TB số 44/TB-UBND		Giá trị suất TĐC tối thiểu (3.000.000đ/m ² x 70m ²)	Hỗ trợ chênh lệch giá trị suất TĐC tối thiểu so với tiền BT đất ở	Giá trị tiền sử dụng đất TĐC phải nộp sau khi đã được giảm đơn giá đất TĐC và trừ đi khoản hỗ trợ chênh lệch giữa giá trị suất TĐC tối thiểu so với tiền BT đất ở
					Tổng số tiền được bồi thường, hỗ trợ	Số tiền bồi thường đất ở	Ký hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Đơn giá	Tiền sử dụng đất phải nộp	Đơn giá	Tiền SDD phải nộp			
1	Ông Phạm Văn Quynh, vợ Mai Nữ Hoàng Linh	Tổ 2, KV1, P. Trần Quang Diệu					D26	109	6.500.000	708.500.000	5.500.000	599.500.000			599.500.000
2	Ông Nguyễn Minh Thuận, vợ Cao Thị Ly	Tổ 2, KV1, P. Trần Quang Diệu					D21	109	6.500.000	708.500.000	5.500.000	599.500.000			599.500.000
TỔNG CỘNG (I + II)			2038,6	867,2				981,0		5.460.900.000				186.690.400	3.301.309.600



Phụ lục II

**BẢNG TỔNG HỢP BỔ SUNG GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ DO GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG ĐỂ XÂY DỰNG
KHU DÂN CƯ HH1 VÀ HH2 TẠI PHƯỜNG TRẦN QUANG DIỆU, THÀNH PHỐ QUY NHƠN (GIAI ĐOẠN II)**

(Kèm theo Quyết định số **1634**/QĐ-UBND ngày **10** /5/2017 của UBND tỉnh)

ĐVT : Đồng

TT	Hộ gia đình, cá nhân	Địa chỉ thường trú	Bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ			Ghi chú
			Bổ sung giá trị hỗ trợ ổn định đời sống	Bổ sung giá trị BT, HT công trình, VKT	Tổng cộng	
a	b	c	d	e	f = d + e	g
1	Phạm Văn Thiệt	Tổ 2, KV 1, P. Trần Quang Diệu	12.420.000		12.420.000	
2	Đỗ Văn Bảy	Tổ 1, KV1, P. Trần Quang Diệu	2.070.000		2.070.000	
3	Lê Đức Sậy(chết), vợ Nguyễn Thị Hơ	Tổ 2, KV1, P. Trần Quang diệu	2.070.000		2.070.000	
4	Đỗ Sơ (chết), con Đỗ Văn Nữ đại diện	Tổ 1, KV1, P. Trần Quang Diệu	4.140.000		4.140.000	
5	Hà Văn An, vợ Trương Thị Phục	Tổ 1, KV 2, P. Trần Quang Diệu		32.431.000	32.431.000	
A	Cộng		20.700.000	32.431.000	53.131.000	
B	Chi phí phục vụ GPMB (E x 2%)				1.062.620	
C	TỔNG CỘNG: A + B + C (QUY TRÒN)				54.194.000	

Handwritten signature